



Biểu 03

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH, TW, TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN ĐỐI ỨNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07 tháng 9 năm 2022 của HĐND huyện Phước Sơn)

ĐVT: Triệu đồng

T T	Danh mục/dự án	Năm đầu tư	Mã dự án	Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được duyệt				
					Tổng số	Trong đó			
						NS TW	NS Tỉnh		NS huyện
1	Khu tái định cư thôn 2 xã Phước Thành	2021	7888612	393-12/4/2021	13.900	9.000			2.500
2	Khu tái định cư thôn 3 xã Phước Thành	2021	7888608	328-2/4/2021	13.000	9.000			2.000
3	Khu tái định cư thôn 2 xã Phước Kim	2021	7888611	322-1/4/2021	12.900	9.000			700
4	Khu tái định cư thôn 3 (thôn 6 cũ) xã Phước Lộc	2021	7888613	321-4/1/2021	9.700	9.000			2.300
5	Thủy Lợi Nước Râu xã Phước Công	2021	7888794	247-5/3/2021	2.000	1.800			200
6	Đường giao thông nối xã Phước Năng - Phước Chánh	2021	7906488	1850-02/7/21	90.000		81.000		9.000
7	Cầu Xà Ka, xã Phước Công	2021	7874866	3607-15/12/20	31.500		28.400		3.100
8	Cầu Đăk mét, xã Phước Lộc	2021	7906656	1865-06/7/21	39.985		39.985		
9	Đường giao thông vào vùng được liệu xã Phước Thành	2021	7894426	450-19/4/21	13.580		12.130		1.450
10	Khôi phục, tái thiết tuyến ĐH1.PS (đoạn Phước Kim - Phước Thành)	2021	7912265	2313-12/8/21	150.000	25.000	110.000		15.000
11	Khôi phục, tái thiết tuyến ĐH2.PS (đoạn Phước Thành - Phước Lộc)	2021	7912314	2314-12/8/21	152.000		137.000		15.000
12	Đường ĐH5.PS (đoạn Phước Công - Phước Lộc)	2021	7912184	2254-09/8/21	90.000		90.000		
13	Kè Sông Trường (đoạn qua xã Phước Hòa và Phước Hiệp)	2022	7949423	855-31/3/22	70.000		56.000		14.000
	Công trình khắc phục thiệt hại do thiên tai năm 2021								
14	Thủy lợi ĐăkTaNang, xã Phước Mỹ	2022	7949422		1.150	1.000			150
15	Nước sinh hoạt thôn 4 (thôn 4A cũ), xã Phước Thành	2022	7954398		2.300	2.000			300
16	Sửa chữa cầu bản Km3+886 (Cầu Khi) tuyến ĐH5.PS (Phước Công Phước Lộc)	2022	7947764		5.750	5.000			750
17	Bờ kè chống sạt lở Trung tâm hành chính xã Phước Kim	2022	7948036		8.050	7.000			1.050
18	Kè và đường giao thông thôn 4, xã Phước Thành	2022	7948035		1.380	1.200			180
19	Kè gia cố khu TĐC thôn 1a, xã Phước Thành	2022	7949706		4.370	3.800			570
	Thủy lợi nhỏ theo NQ 03/2021/NQ-HĐND tỉnh				0				
	Thủy lợi Đăk ri thôn 3, xã Phước Mỹ	2022	7951671		1.200		1.140		60

	Thủy lợi Xà Ca, thôn 1 xã Phước Công	2022	7955473		1.000		950		50
	Kiên cố hóa thủy lợi Xà Ngam thôn 2 (thôn 3 cũ), xã Phước Năng	2023			263		237		26
	Kiên cố hóa kênh mương Đăk Non thôn Nước Lang, xã Phước Xuân	2023			526		474		52
	Thủy lợi thôn 1, xã Phước Công	2023			1.500		1.425		75
	Thủy lợi thôn 2, xã Phước Chánh	2023			1.400		1.330		70
20	Thủy lợi Nước Zút xã Phước Năng (Chương trình Gream)	2023							
21	Đường trục 30, 31 TT Khâm Đức	2023			101.000		91.000		10.000
22	Đề án sắp xếp bố trí dân cư Phước Năng- Phước Chánh (Ban Dân tộc)								
23	Đường giao thông xã Phước Hòa và khu dân cư trên tuyến	2023			115.000		105.000		10.000
24	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ huyện	2024			1.600		1.400		200
25	Trụ sở làm việc Công an xã (Ngân sách tỉnh 80%; NS huyện đối ứng 20%)								
	- Công an xã Phước Hòa	2022			5.189		3.520		1.669
	- Công an xã Phước Năng	2023			5.150		3.520		1.630
	- Công an xã Phước Chánh	2024			3.788		3.032		756
	- Công an xã Phước Công	2025			3.788		3.032		756
26	Đối ứng Chương trình MTQG giảm nghèo năm 2019 và 2020								11.782
27	Dự phòng đối ứng các dự án phát sinh								16.000
	Tổng cộng				952.969	82.800	770.575		121.376